

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2021

“V/V Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Chí Mạnh**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Vũ Thị Thanh**; 2. Ông **Đàm Chí Thân**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lý**- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C- tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đăng Viện**- Chức vụ: Kiểm sát viên.

- Ngày 06/9/2021 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2020 về việc ***“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”***. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33 /2021/QĐXX-HNGĐ ngày 14/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị A** sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh -Vắng mặt.

(Có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Văn B** sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. -Vắng mặt. (Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:
Sau một thời gian tìm hiểu đến năm 2010 chị A kết hôn với anh Đỗ Văn B, hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 23/10/2010. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh B thường xuyên có hành vi đánh đập chị A, chị A có nhiều lần khuyên bảo anh B nhưng không có kết quả. Mặt khác, còn có mâu thuẫn giữa chị A và gia đình chồng, bố mẹ chồng chị bệnh anh B Nên đã đuổi chị A đi từ năm 2017 đến

nay, chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Hiện tại hai người đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó, chị A thấy không còn tình cảm với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- **Về con chung:** Chị A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 03 con chung là Đỗ Mạnh G, sinh ngày 08/01/2011, Đỗ Thị Kim H, sinh ngày 02/4/2013 và Đỗ Văn I, sinh ngày 20/12/2017. Quan điểm của chị A khi vợ chồng ly hôn chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Thị Kim H và Đỗ Văn I đến khi trưởng thành, anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Mạnh G đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị A xác nhận chị và anh B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Đỗ Văn B vắng mặt nên không có quan điểm thể hiện mặc dù đã nhận được thủ tục khởi kiện và các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của chị A gửi trước khi khởi kiện:*

- Quá trình Tòa án giải quyết đã tổng đạt thông báo thụ lý cũng như giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho gia đình và chính quyền địa phương nơi anh B sinh sống đều thể hiện quá trình tìm hiểu và kết hôn của chị A, anh B hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Hai người kết hôn vào năm 2010 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thị xã C.

- Tại các biên bản xác minh ngày 12/5/2021 ông Lê Trung K- Xóm trưởng Xóm D, xã E, thị xã C cho biết: Chị Lê Thị A và anh Đỗ Văn B kết hôn với nhau vào năm 2010, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thị xã C. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau có lúc còn xảy ra xô sát, mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương nhiều lần động viên, khuyên giải anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả, mặt khác do chị A có mâu thuẫn với gia đình chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị càng trầm trọng. Do đó, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2017 đến nay và hai người đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì vậy chị A có đơn xin ly hôn anh B địa phương cũng đã nắm được tình hình và cũng đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập cho anh B nhưng anh B không chấp hành. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết cho họ được ly hôn.

- Về con chung: Chị A và anh B có 03 con chung là Đỗ Mạnh G, sinh ngày 08/01/2011, Đỗ Thị Kim H, sinh ngày 02/4/2013 và Đỗ Văn I, sinh ngày 20/12/2017. Kể từ năm 2017 anh chị ly thân nhau cháu G ở với bố, còn cháu H, K ở

với mẹ. Nếu Tòa giải quyết cho họ ly hôn, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của các con chung và tình hình thực tế để giao con chung cho phù hợp quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1, Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83- Luật Hôn nhân gia đình.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị A. Xử cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Đỗ Văn B.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Đỗ Mạnh G, sinh ngày 08/01/2011 cho anh Đỗ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

- Giao con chung là Đỗ Thị Kim H, sinh ngày 02/4/2013 và Đỗ Văn I, sinh ngày 20/12/2017 cho chị Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

- Hai bên đương sự không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về Tố Tụng: Ngày 02/12/2020, người khởi kiện là chị Lê Thị A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 02/12/2020, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28 Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Chị Lê Thị A và anh Đỗ Văn B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2010. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng, có lúc xảy ra xô xát vợ chồng, anh B có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại cũng như

chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Vì thế mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng hiện đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Do đó, chị A thấy không còn tình cảm với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn anh B là hoàn toàn có cơ sở.

- Đối với bị đơn anh Đỗ Văn B không có mặt tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình nhưng trong quá trình Tòa án làm việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương nơi anh B, chị A chung sống đều thể hiện hai người kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống không hạnh phúc nguyên nhân chủ yếu do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau, hiện tại hai người đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa, mặc dù được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả.

Do đó, xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị A là hoàn toàn chính đáng phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56- Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị A.

[3] **Về con chung:** Trong quá trình chung sống hai người sinh được 03 (Ba) con chung là Đỗ Mạnh G, sinh ngày 08/01/2011, Đỗ Thị Kim H, sinh ngày 02/4/2013 và Đỗ Văn I, sinh ngày 20/12/2017. Kể từ khi ly hôn cháu Phi ở với anh B, cháu Nhung và Tung ở với chị A nên quan điểm của chị A khi vợ chồng ly hôn chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Thị Kim H và Đỗ Văn I đến khi trưởng thành, anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Mạnh G đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn có căn cứ phù hợp theo nguyện vọng của các con chung, phù hợp về việc ổn định về chỗ ở, tâm lý cho các con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83- Luật hôn nhân gia đình. Do đó, Hội đồng xét chấp nhận.

[4] **Về tài sản chung và công nợ chung:** Chị Lê Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Về án phí:** Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-Về các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị A.

Xử: Chị Lê Thị A được ly hôn anh Đỗ Văn B.

2. Về con chung: Xử:

- Giao con chung Đỗ Thị Kim H, sinh ngày 02/4/2013 và Đỗ Văn I, sinh ngày 20/12/2017 cho chị Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

- Giao con chung Đỗ Mạnh G, sinh ngày 08/01/2011 cho anh Đỗ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

- Hai bên đương sự không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thị A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001647 ngày 14/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS T.x C.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- Chi cục T.H.A DS thị xã C;
- Các đương sự.
- UBND xã E.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên

Nguyễn Chí Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Chí Thân - Vũ Thị Thanh

Nguyễn Chí Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Chí Thân - Vũ Thị Thanh	Nguyễn Chí Mạnh
------------------------------------	------------------------